

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HS-PT

Ngày 21 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình H, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Màu Mai Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2024/TLPT- HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hải H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Hải H, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2006 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ Văn Hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng V (đã chết) và bà Đỗ Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

+ Bị cáo Nguyễn Văn H1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn R, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ Văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; (có mặt).

+ Bị cáo Nguyễn Văn N, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1997 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn R, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ Văn Hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà PH Thị T; có vợ là Hoàng Thu T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; (có mặt).

Lịch sử bản thân: Nhập ngũ tháng 03/2018, xuất ngũ tháng 4/2020.

- *Người Đ diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hải H:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1987 (là mẹ đẻ của bị cáo); trú tại: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải H:* Bà Trần Bích H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hải H là đối tượng đã bỏ học từ năm 2021, không có công ăn việc làm. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt T sản của người khác dưới hình thức hỏi mượn T sản là xe máy của những người thân quen để đi lại, tuy nhiên ngay sau khi mượn được xe H đã tự ý đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và không trả lại cho chủ sở hữu. Bằng thủ đoạn gian dối như trên, trong thời gian từ ngày 18/6/2023 đến ngày 28/6/2023 H đã thực hiện 03 vụ Lừa đảo chiếm đoạt T sản, trong đó có một vụ, sau khi chiếm đoạt được T sản, H đã nhờ Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N đưa đi tiêu thụ T sản đã chiếm đoạt. H và Nam mặc dù biết đó là T sản do phạm tội mà có nhưng đã cùng nhau đưa H đi tiêu thụ T sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 18/6/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Hải H nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối hỏi mượn xe mô tô của chị Đỗ Thị T (là mẹ đẻ của H) sau đó sẽ đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, H nhắn tin cho chị T hỏi mượn xe để đi lấy đầu lân đem về bán nhưng lúc này chị T đã đem xe đi làm nên bảo H đi xe Taxi và nói sẽ chuyển khoản cho chị Đỗ Thị D, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn Đ, xã T (là hàng xóm gần nhà H) số tiền 200.000đ để H sang lấy trả tiền xe Taxi. Nghe vậy, H nảy sinh ý định sẽ sang lấy tiền và lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị D nên H cầm theo 01 chiếc can nhựa loại 10 lít đi sang nhà chị D và hỏi “Mẹ cháu chuyển 200.000đ cho cô chưa”. Chị D nói “chưa thấy gì, thế bao tiền”, H nói 200.000đ nên chị D đưa cho H số tiền 200.000đ. Sau khi nhận tiền, H đến gặp và nói với anh Hồ Ngọc T là chồng chị D và đang ở cùng nhà với chị D là: “Chú T oi cho cháu mượn xe máy để cháu đi mua xăng, xe của cháu hết tất xăng rồi”. Anh T đồng ý, đưa cho H mượn chìa khóa điện và xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1 – 266.74. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe

đến vỉa hè trước cửa nhà H rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H1 qua ứng dụng messenger của H có tên T khoản là “Đinh Minh Đ” gọi vào T khoản messenger của H có tên “Nguyễn Văn H1” nói em có con xe Wave trắng mới nhảy trộm được của anh trai em, anh xem có chỗ nào cấm cho em không. H hiểu ý H là xe máy H phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý, đồng thời H hẹn H ra khu vực Siêu thị Go Vĩnh Phúc để gặp nhau. Sau khi nói chuyện với H, H gọi điện cho Nguyễn Văn N qua ứng dụng messenger có tên “Nguyễn N” và nói: “thằng cu em có con xe, anh xem có chỗ nào dẫn nó đi cấm hộ em?” thì Nam đồng ý và nói “anh đang ở quán nét chỗ giao thông, qua đón anh” rồi tắt máy.

Đến khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88L1-299.56 đi ra khu vực Siêu thị Go Vĩnh Phúc tại Khai Quang, Vĩnh Yên. Khi đến điểm hẹn gặp H thì H nói với H “đây con xe này đây anh, em mới nhảy trộm được của ông anh trai”. H biết chiếc xe mô tô trên do H phạm tội mà có được nhưng sợ trách nhiệm nên nói: “Để anh gọi cho anh của anh xem có chỗ nào nhận cấm xe không dẫn mày đi cấm” thì H đồng ý. Sau đó, H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N và nói: “Anh cứ ở quán tí em với thằng cu em lên đón anh xong thì cùng đi, anh xem có chỗ nào đưa nó đi cấm hộ em, nếu anh không có chỗ nào cấm thì em đưa lên chỗ của anh Đ” thì Nam đồng ý và bảo H lên đón. Sau đó, H và H cùng nhau đi đến quán Game mà Nam đang chơi ở gần Trường Đ học Công nghệ và Giao thông vận tải thuộc phường Đồng Tâm, thành phố V. Khi đến nơi, H đứng ngoài đợi còn H đi vào trong quán gọi Nam đi ra, khi ra ngoài quán, Nam điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88L1 – 299.56 chở H ngồi phía sau, còn H một mình điều khiển xe mô tô BKS 88B1-266.74. Trên đường đi, H nói với Nam: “Thằng em H vừa nhảy trộm được cái xe máy của ông anh trai”. Nghe H nói vậy, Nam biết rõ nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS: 88B1-266.74 là do H phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý dẫn H đi cầm cố với mục đích sau khi cầm cố được xe H sẽ chia tiền cho Nam. Nam dùng điện thoại của H gọi cho anh Vũ Anh Đ và nói “anh Đ à em ở dưới T trước có gặp anh 1 lần cấm xe, nay em có đưa em có chiếc xe Wave muốn vay tiền anh có làm không” thì anh Đ đồng ý và hẹn Nam đến khu vực quán Nét T thuộc phường Khai Quang, thành phố V. Khi đến nơi, do H đã biết trước chiếc xe máy 88B1-266.74 do H phạm tội mà có, sợ liên lụy về sau nên không muốn đi cùng và lấy lý do nói với Nam: “anh N sang xe máy cùng H đi vào cấm xe đi còn em đi ship đồ cho người yêu”. Nam đồng ý và đi sang ngồi sau xe của H cùng nhau đi vào phòng trọ của anh Đ để cầm cố xe (Thực tế H không đi ship đồ cho bạn gái mà cũng đi theo sau H và Nam đến nhà anh Đ nhưng không ra mặt mà đứng phía ngoài cổng nhà anh Đ để quan sát). Khi gặp anh Đ, Nam nói “con xe Wave trắng này, anh xem có cấm 5 triệu đồng không” thì anh Đ hỏi xe này có giấy tờ

chính chủ không thì H trả lời “xe của em, em để quên đăng ký ở nhà”. Anh Đ nói “vậy anh chỉ cho em mượn 3.800.000đ thôi”. H đồng ý, sau đó anh Đ đi vào phòng trọ lấy số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) mang ra đưa cho H. H nhận đủ tiền và giao chìa khoá cùng chiếc xe Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1-266.74 cho anh Đ rồi cùng Nam đi bộ ra đầu ngõ gặp H đang đứng đợi sẵn ở đó. Lúc này, Nam là người điều khiển xe, H ngồi giữa, H ngồi cuối và cùng nhau đi về. Trên đường đi, H hỏi H cầm xe máy được bao tiền thì H nói cầm được 3.800.000đ, H bảo H đưa cho Nam 200 đến 300 nghìn đồng tiền cơm nước. H đồng ý và rút ra 300.000đ đưa cho H, H cầm tiền và đưa lại cho Nam; Số tiền 3.500.000đ còn lại H đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi xảy ra sự việc, anh Hồ Ngọc T đã nhiều lần liên lạc yêu cầu H trả xe. Tuy nhiên H không chuộc lại xe trả cho chủ sở hữu nên ngày 11/07/2023 anh T đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hải H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngày 24/7/2023, anh Vũ Anh Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1-266.74.

Ngày 26/07/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Yêu cầu định giá T sản số 108 đề nghị Hội đồng định giá Tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V định giá đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1-266.74. Tại Kết luận định giá T sản số 96 ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá T sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1-266.74 trị giá 9.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 50 ngày 27/6/2023, H đang đi bộ trên đường thuộc tổ dân phố Đ, phường Khai Quang, thành phố V thì vào ứng dụng Messenger của mạng xã hội Facebook nhắn tin cho anh Trần Quốc T (là bạn bè xã hội với H) nhờ T đến đón H tại quán nước ở vỉa hè gần Siêu thị Go thuộc địa phận phường Khai Quang, thành phố V để về nhà ăn cơm, T đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 88H1 – 255.05 đi đón H. Trong khi chờ đợi T đến đón, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 phút sau, T một mình điều khiển xe mô tô BKS: 88H1 – 255.05 đến và vào uống nước cùng H. Sau đó, T hỏi H có về không, H nói mày đưa anh đi lấy máy xăm hình ở nhà bạn thì T đồng ý. Lúc này H bảo T “đưa chìa khóa xe máy đây, anh lái vì mày không biết đường” nên T tin tưởng và đưa chìa khóa xe cho H. H điều khiển xe mô tô BKS 88H1 – 255.05 chở T ngồi phía sau đi đến nhà bạn của H là Nguyễn Tiến Thành, sinh năm 2007 trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Khai Quang, thành phố V. Khi đến nơi,

H điều khiển xe đi qua, đi lại nhà Thành khoảng 2-3 lần rồi dừng xe cách nhà Thành khoảng 20 -30m. H nói với T “chờ anh tí để anh lên gọi Thành lấy máy xăm”. T đồng ý rồi xuống xe đứng đợi, còn H điều khiển xe đi qua nhà Thành và đi một đường khác về nhà của Nguyễn Văn P, sinh năm 1993 trú tại: Thôn R, xã T, thành phố V. Khi gặp P, H nói “dẫn em đi cầm con xe này”. P hỏi xe có giấy tờ không thì H trả lời “xe không có giấy tờ”. P đồng ý rồi lên xe chỉ dẫn cho H điều khiển đi đến quán Bi-A Club 88 ở tổ dân phố Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đường đi P hỏi H muốn cầm xe máy bao nhiêu tiền, H trả lời 5.000.000đ. Khi đến nơi, H đỗ xe trước cửa quán Bi-A Club 88, P xuống xe và gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1994, trú tại: Thôn T Lai, xã Tiến Thắng, huyện Mê L, thành phố Hà Nội (là chủ quán Bi-A Club 88). Qua nói chuyện, P nói muốn bán một xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS: 88H1 – 255.05 sản xuất năm 2018 chính chủ của người em nhưng quên đem giấy tờ và hẹn 1-2 hôm nữa sẽ đem giấy tờ đến. Vì vậy, anh L tin tưởng và đồng ý mua xe với giá 5.200.000đ rồi bảo P dắt xe vào trong. Sau đó, P một mình dắt xe mô tô vào trong quán Bi-A Club 88 gặp một nam giới (là bạn xã hội với anh L đang được anh L nhờ trông quán hộ, anh L không nhớ tên, tuổi địa chỉ cụ thể của người này). Sau khi nghe P nói, nam giới này gọi điện thoại cho anh L và được anh L nhờ nhận xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS: 88H1 – 255.05 do P để lại và đưa hộ số tiền 5.200.000đ cho P. Sau khi nhận tiền và để lại xe, P quay ra và nói với H “đi thôi”. H đi bộ cùng P ra đầu ngõ và lên một xe taxi đang đứng chờ khách ở đầu ngõ. Lên xe taxi thì P nói đi về khu công nghệ Thăng Long 3 (thuộc địa phận huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc). Đến một cây ATM ở khu công nghệ thì P bảo lái xe taxi dừng lại và P xuống xe đến cây ATM rút tiền. Sau khi rút tiền xong, P lên xe taxi và nói với H “cầm xe được 5 triệu đồng, anh lấy một triệu nhé” đồng thời P đưa cho H số tiền 4 triệu đồng. H cầm số tiền 4.000.000đ P đưa rồi nói với lái xe taxi đưa H về ngõ 8, đường Nguyễn Tất Thành phường Khai Quang, thành phố V. Khi đến nơi, H xuống xe ô tô để vào nhà nghỉ lấy đồ dùng cá nhân rồi đi chơi Internet, mua sắm quần áo và tiêu xài cá nhân hết số tiền 4.000.000đ này.

Sau khi xảy ra sự việc, T đã nhiều lần yêu cầu H trả xe nhưng H không trả mà nhắn cho T số điện thoại của anh L. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh L và nói muốn mua lại xe nên anh L đồng ý và hẹn T đến quán Bi-A Club 88. Ngày 10/7/2023, T cùng ông Đỗ Tiến D (là ông ngoại của T) đến quán Bi-A Club 88. Do lúc này anh L không có mặt ở quán nên nhờ bạn là anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS: 88H1 – 255.05 đang gửi tại một cửa hàng sửa xe

đem về quán bán lại chiếc xe trên với giá 5.200.000đ cho ông D. Sau đó, ông D đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc và giao nộp chiếc xe.

Ngày 01/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã ra Yêu cầu định giá T sản số 112 đề nghị Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V định giá đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88H1-255.05. Tại Kết luận định giá T sản số 101 ngày 04/8/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88H1-255.05 trị giá 10.000.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 28/6/2023, H đang chơi Bi-A cùng bạn tại quán Bi-A 88 ở Tổ dân phố Đ, phường K, thành phố V. Do không có tiền để lấy máy điện thoại đang sửa nên H nảy sinh ý định lừa lấy xe mô tô của chị Nguyễn Thu P (là nhân viên của quán Bi-A) mang đi cầm cố lấy tiền trả tiền sửa điện thoại và chi tiêu cá nhân. Sau đó, H đến gặp chị P (đang ngồi tại quầy thu ngân ở quán) và nói “Mày cho tao mượn xe máy để tao đi mua cơm”, chị P tin tưởng nên đồng ý, đưa chìa khóa và giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 88K1 – 452.76 của chị P cho H mượn. Sau khi nhận được xe, H một mình điều khiển xe đến quán Internet tại Đình thôn Nam, xã T, thành phố V và vào quán tìm Nguyễn Văn P. Thấy P đang chơi, H gọi P ra ngoài rồi nói “anh xem chỗ nào cầm con xe này 1-2 triệu để em nhỏ lấy máy điện thoại”. P nói “cầm kịch đi”, H nói “được không anh”. P nói “chắc chắn được”. Sau đó, H điều khiển xe chở P phía sau và đi theo sự chỉ dẫn của P đến cửa sau nhà nghỉ Nana thuộc địa phận phường Liên Bảo, thành phố V. Tại đây, P gọi điện thoại cho bạn là anh Không Minh P (là nhân viên nhà nghỉ) nói đang cần tiền muốn vay 8.000.000đ và sẽ để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 88K1 – 452.76 lại làm tin nên anh P mở cửa để P và H dắt xe máy vào trong. Khi vào trong, anh P có hỏi giấy tờ và nguồn gốc xe thì H nói là “Xe máy của mẹ em, em cần tiền gấp, anh cho em mượn” nên anh P tin tưởng, đồng ý cho P và H vay tiền. Sau đó, anh P yêu cầu P viết 01 giấy mượn tiền, để lại xe làm tin rồi đưa cho P số tiền 8.000.000đ. P nhận tiền và gọi xe taxi rồi cùng H đi về quán Internet ở khu vực Chung cư B thuộc địa phận phường K, thành phố V. Tại đây, P đã nạp hết số tiền 8.000.000 đồng vào T khoản chơi Game của P rồi ngồi chơi Game trên mạng Internet, H ngồi bên cạnh xem. Sau khi xảy ra sự việc, H và P cùng về quán Bi -A nói chuyện với chị Nguyễn Thu P về việc đã mang xe đi cầm và hứa sẽ chuộc xe trả lại cho chị P. Đến ngày 21/7/2023, H vẫn không trả lại xe nên chị P đã đến cơ quan Công an trình báo. Cùng ngày, anh Không Minh P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision 88K1 - 452.76.

Ngày 01/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Yêu cầu định giá T sản số 113 đề nghị Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban

nhân dân thành phố V định giá đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 88K1 – 452.76. Tại Kết luận định giá T sản số 102 ngày 04/8/2023 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 88K1 – 452.76 trị giá 29.300.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”; bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải H 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 23/4/2024 bị cáo Nguyễn Hải H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và nộp Huân chương chiến công hạng ba của ông Đỗ Văn Sáu (ông ngoại bị cáo).

Ngày 25/4/2024 bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26/4/2024 bị cáo Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và nộp Huân chương kháng chiến hạng ba của ông Nguyễn Văn Còi (ông nội bị cáo), Huân chương chiến công hạng nhì của ông Bùi Song T (ông ngoại bị cáo).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N. Sửa Bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân

thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải H 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải H phát biểu bào chữa: Bị cáo phạm tội khi chỉ mới hơn 16 tuổi, nhận thức hạn chế, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt pháp luật tại địa P, có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng cho người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải H 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai, lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N, các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2023 đến ngày 28/6/2023, Nguyễn Hải H đã thực hiện 03 vụ Lừa đảo chiếm đoạt T sản với tổng trị giá T sản chiếm đoạt là 48.300.000đ. Trong đó ngày 18/6/2023, H lừa đảo chiếm đoạt T sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 88B1 – 266.74 có trị giá là 9.000.000đ của anh Hồ Ngọc T ở Thôn Đ, xã T, thành phố V. Sau khi chiếm đoạt được T sản của anh T thì H đã nhờ Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N đưa đi tiêu thụ T sản đã chiếm đoạt. H và Nam mặc dù biết đó là T sản do phạm tội mà có nhưng đã cùng nhau đưa H đi tiêu thụ T sản. Ngày 27/6/2023 Nguyễn Hải H lừa đảo chiếm đoạt T sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 88H1 - 255.05 của cháu Trần Quốc T trị giá là 10.000.000đ. Ngày 28/6/2023 Nguyễn Hải H lừa đảo chiếm đoạt T sản là chiếc xe Honda Vision BKS: 88K1 - 452.76 của chị Nguyễn Thu P trị giá xe là 29.300.000đ.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Hải H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”; Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn

Hải H theo qui định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo về việc xin hưởng án treo của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Hải H: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đã tác động gia đình tự nguyện khắc P hậu quả, trả lại T bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi nhận đủ số tiền bồi thường đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội khi mới hơn 16 tuổi, thể chất chưa hoàn thiện, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố chết sớm, ... Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp thêm các T liệu mới đó là Huân chương chiến công hạng ba của ông Đỗ Văn Sáu (ông ngoại bị cáo), ông ngoại bị cáo là những người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc cho bị cáo được hưởng án treo có sự giám sát của chính quyền địa P và gia đình sẽ tốt hơn cho bị cáo chưa đến tuổi thành niên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo H được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp thêm các T liệu mới đó là Huân chương kháng chiến hạng ba của ông Nguyễn Văn Còi (ông nội bị cáo), Huân chương chiến công hạng nhì của ông Bùi Song T (ông ngoại bị cáo) nên bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội giản đơn, vì nể H nên đã đưa H đi bán T sản do H chiếm đoạt được của người khác, bản thân bị cáo không được hưởng lợi gì, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện bị cáo đang làm công nhân tại Công ty HJC, khu công ngH Khai Quang, Vĩnh Yên nên cũng khoan hồng cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội giúp bị cáo sửa chữa sai lầm.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, quá trình chờ xét xử sơ thẩm đã tự nguyện đưa cho mẹ bị cáo H 1 triệu đồng để bồi thường cho anh Vũ Anh Đ. Bị cáo phạm tội giản đơn, vì nể H là bạn nên khi H nhờ bị cáo đưa đi cấm xe cho H thì đã đồng ý. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hiện đang làm công nhân tại công ty Hòa Bình, Định Trung, Vĩnh Yên nên Hội đồng xét xử cũng chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, tội phạm.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N. Sửa Bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải H 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”, thời gian thử thách là 01(một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách là 01(một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ T

sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

5. Giao các bị cáo Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 của Luật thi hành án hình sự.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyễn Hải H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Vĩnh Thành